

**THÔNG BÁO THU THÁNG 10 NĂM 2025**

STT	LỚP	GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM	SỈ SỐ	BẢN TRÚ	Học Kỹ năng sống	Học ngoại ngữ với người nước ngoài	Giáo dục Stem	Học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	Học Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học chuẩn Quốc tế	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh	Tổng cộng	Ghi chú
1	6/1	Phạm Nhật Trường	52	1.069.000	80.000	180.000	90.000	800.000	180.000		2.399.000	
2	6/2	Phạm Thị Mỹ Duyên	52	1.069.000	80.000	180.000	90.000	800.000	180.000		2.399.000	
3	6/3	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	54	1.069.000	80.000	180.000	90.000	800.000	180.000		2.399.000	
4	6/4	Nguyễn Thị Phúc	48	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
5	6/5	Nguyễn Thị Thu Thanh	49	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000	30.000	1.629.000	
6	6/6	Hoàng Thị Hương	48	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
7	6/7	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	50	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
8	6/8	Ngô Bích Thuý	42	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
9	6/9	Nguyễn Thị Lý	48	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
10	6/10	Nguyễn Ngọc Ánh	45	-	-	-	-	-	-		-	
11	6/11	Trần Thị Diệu Thuý	46	-	-	-	-	-	-		-	
12	6/12	Nguyễn Thị Tiếng	46	-	-	-	-	-	-		-	
13	6/13	Phạm Thị Phương	46	-	-	-	-	-	-		-	
		<b>CỘNG SỈ SỐ KHỐI 6</b>	<b>626</b>									
1	7/1	Ngô Thị Thanh	50	1.069.000	80.000	180.000	90.000	800.000	180.000		2.399.000	
2	7/2	Nguyễn Thị Trang	50	1.069.000	80.000	180.000	90.000	800.000	180.000		2.399.000	
3	7/3	Nguyễn Thị Oanh Hà	50	1.069.000	80.000	180.000	90.000	800.000	180.000		2.399.000	
4	7/4	Nguyễn Minh Thư	54	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000	30.000	1.629.000	
5	7/5	Phan Thị Ngọc Bích	53	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000	30.000	1.629.000	
6	7/6	Đỗ Thị Phương	47	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
7	7/7	Mai Huỳnh Cang	54	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
8	7/8	Lý Thị Ngọc Anh	53	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
9	7/9	Trần Thị Tuyết Nhung	54	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
10	7/10	Trương Hữu Phúc	53	-	-	-	-	-	-		-	
11	7/11	Nguyễn Thị Huyền Trang	51	-	-	-	-	-	-		-	
12	7/12	Nguyễn Thị Ngọc Mai	54	-	-	-	-	-	-		-	
		<b>CỘNG SỈ SỐ KHỐI 7</b>	<b>623</b>									
1	8/1	Huỳnh Ngọc Lan Anh	46	1.069.000	80.000	180.000	90.000	800.000	180.000		2.399.000	
2	8/2	Hồ Mai Thanh	46	1.069.000	80.000	180.000	90.000	800.000	180.000		2.399.000	
3	8/3	Phạm Thanh Hoài	44	1.069.000	80.000	180.000	90.000	800.000	180.000		2.399.000	
4	8/4	Vũ Thị Huyền Trang	44	1.069.000	80.000	180.000	90.000	800.000	180.000		2.399.000	
5	8/5	Nguyễn Trung Thuận	52	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000	30.000	1.629.000	
6	8/6	Phạm Thị Ngọc Hoài	52	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
7	8/7	Bùi Thị Dung	54	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	



STT	LỚP	GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM	SỈ SỐ	BẢN TRÚ	Học Kỹ năng sống	Học ngoại ngữ với người nước ngoài	Giáo dục Stem	Học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	Học Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học chuẩn Quốc tế	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh	Tổng cộng	Ghi chú
8	8/8	Nguyễn Hữu Nghĩa	52	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
9	8/9	Nguyễn Tuấn Anh	54	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
10	8/10	Trịnh Thị Thu Lan	52	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	180.000		1.599.000	
11	8/11	Nguyễn Minh Thuận	42	-	-	-	-	-	-		-	
12	8/12	Nghiêm Thị Quế	41	-	-	-	-	-	-		-	
13	8/13	Lương Hoàng Oanh	42	-	-	-	-	-	-		-	
14	8/14	Trần Thị Thoa	39	-	-	-	-	-	-		-	
		<b>CỘNG SỈ SỐ KHỐI 8</b>	<b>660</b>									
1	9/1	Nguyễn Thị Hồng Gấm	54	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	-	30.000	1.449.000	
2	9/2	Nguyễn Thị Thanh Hương	50	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	-	30.000	1.449.000	
3	9/3	Nguyễn Thị Kim Đăng	49	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	-	30.000	1.449.000	
4	9/4	Huỳnh Thị Hồng Loan	49	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	-	30.000	1.449.000	
5	9/5	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	49	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	-	30.000	1.449.000	
6	9/6	Lương Nguyễn Quỳnh Như	52	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	-	30.000	1.449.000	
7	9/7	Nguyễn Ngọc Phương Thủy	52	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	-	30.000	1.449.000	
8	9/8	Nguyễn Thế Cường	52	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	-	30.000	1.449.000	
9	9/9	Nguyễn Ngọc Anh Thư	51	1.069.000	80.000	180.000	90.000	-	-	30.000	1.449.000	
10	9/10	Lê Ngọc Cẩm Vân	51	-	-	-	-	-	-		-	
11	9/11	Lê Thị Kim Cúc	48	-	-	-	-	-	-	15.000	15.000	
12	9/12	Huỳnh Thị Ngọc Ngoan	52	-	-	-	-	-	-		-	
13	9/13	Trần Thị Hồng Nga	52	-	-	-	-	-	-		-	
		<b>CỘNG SỈ SỐ KHỐI 9</b>	<b>661</b>									
		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.570</b>									

**Các khoản thu bán trú tháng này:**

	Số ngày ăn trong tháng	23
1	tiền suất ăn (35.000 đ/ngày)	805.000
2	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	250.000
3	Nước uống	14.000

**Cộng 1.069.000**

**KẾ TOÁN**

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Thị Thu Hà



**HIỆU TRƯỞNG**

*(Handwritten signature)*

Phạm Dương Hoàng Dũng